

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 6 - 2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích

2. Ông Trần Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Khuru Huỳnh Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 243/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1958;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 20, ấp K, xã M, thành phố X, tỉnh An Giang;

Địa chỉ liên lạc: Tổ 3, p H, xã M, thành phố X, tỉnh An Giang;

Điện thoại: 0358442004.

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Thị S, sinh năm 1953;

Cư trú: Tổ 20, ấp K, xã M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa Ông Ng và bà S đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn Ng trình bày:

Ông Ng và bà Ngô Thị S tự tìm hiểu, thương yêu nhau và tiến đến hôn nhân vào năm 1975, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau thời gian dài chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 01 năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm về vấn đề tài sản chung. Gia đình vợ chồng cùng xây dựng mà ông không có quyền quyết định. Từ đó thường xuyên cãi cọ, xảy ra xô xát. Dẫn đến hiện nay ông bà đã ly thân được 05 tháng. Nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, không còn yêu thương quan tâm nhau nữa, nên ông Ng yêu cầu ly hôn với bà S.

Về con chung thì ông Ng và bà S có 05 người con chung gồm: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1977; Nguyễn Thị H2, sinh năm 1981; Nguyễn Thị Linh Ph, sinh năm 1983; Nguyễn Văn R, sinh năm 1986; Nguyễn Văn M, sinh năm 1987. Tất cả đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Ngô Thị S trình bày:

Vợ chồng chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống như Ông Ng trình bày. Nhưng mâu thuẫn vợ chồng xuất phát là từ Ông Ng, Ông Ng không quan tâm gia đình, hay bỏ đi chơi lâu lâu thì về, Ông Ng muốn làm gì đó thì làm không lo lắng nhà cửa, con cái. Thời gian gần đây thì Ông Ng về nhà đòi ly hôn bà S, bà không chịu thì xảy ra cự cãi, đánh nhau. Rồi Ông Ng đã bỏ nhà đi được 05 tháng cho tới nay. Nay bà không đồng ý ly hôn với Ông Ng vì vợ chồng đã chung sống mấy chục năm, đã có cháu nội, cháu ngoại đầy đủ.

Về con chung: thống nhất như Ông Ng trình bày, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà S không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu chia tài sản gì. Vợ chồng không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Ông Ng vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin ly hôn với bà S.

- Bà S không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương Ông Ng, bà S chỉ đồng ý ly hôn khi Ông Ng đồng ý ra khỏi nhà không mang theo tài sản gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Nguyễn Văn Ng yêu cầu ly hôn bà Ngô Thị S, là người hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn Ng và bà Ngô Thị S tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân từ năm 1975, nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì Ông Ng và Sảnh thuộc trường hợp hôn nhân được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 và khi có yêu cầu ly hôn vẫn được giải quyết theo thủ tục chung. Quan hệ vợ chồng của Ông Ng và bà S vẫn được công nhận kể từ ngày xác lập (ngày ông bà bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng). Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía. Nhưng Ông Ng cho rằng vợ chồng ông mâu thuẫn trầm trọng xuất phát từ việc vợ chồng ông không có tiếng nói chung, bất đồng trong gia đình thường xuyên xảy ra, ông không được tôn trọng, ông kiên quyết xin ly hôn. Còn Sảnh cũng xác định cuộc sống vợ chồng không có nhiều bất đồng, cự cãi, xô xát nhau, Ông Ng không có trách nhiệm với vợ con, gia đình. Bà S cũng trình bày nếu Ông Ng muốn ly hôn thì phải đi khỏi nhà không mang theo tài sản gì. Lời trình bày của các đương sự đã thể hiện mâu thuẫn của Ông Ng và bà S rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình, cùng yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau đã không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ông Ng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Ng và bà S có 05 người con chung gồm: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1977; Nguyễn Thị H2, sinh năm 1981; Nguyễn Thị Linh Ph, sinh năm 1983; Nguyễn Văn R, sinh năm 1986; Nguyễn Văn M, sinh năm 1987. Tất cả đều đã trưởng thành, đủ khả năng lao động và có gia đình riêng. Ông Ng và bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ng và bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Ng phải chịu án phí do có yêu cầu ly hôn, nhưng ông là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 19; 51; 53; 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn Ng được ly hôn với bà Ngô Thị S.

2. Về con chung:

Ông Nguyễn Văn Ng và bà Ngô Thị S có 05 (năm) người con chung là Nguyễn Văn H1, sinh năm 1977; Nguyễn Thị H2, sinh năm 1981; Nguyễn Thị Linh Ph, sinh năm 1983; Nguyễn Văn R, sinh năm 1986; Nguyễn Văn M, sinh năm 1987. Tất cả đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: không xem xét.

Về nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Ng được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001730 ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND x. M, tp X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang